

QUYỀN LỢI CỦA ĐƯƠNG SỰ VẮNG MẶT TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM KHI CÁC ĐƯƠNG SỰ KHÁC CÓ MẶT THỎA THUẬN VỚI NHAU GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Ngô Thị Mỹ Hạnh¹

Tóm tắt: Việc có mặt của đương sự khi tham gia tố tụng tại Tòa án đóng vai trò quan trọng. Từ khi thụ lý vụ án, lấy lời khai, yêu cầu cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm thì sự có mặt hay vắng mặt của đương sự sẽ phát sinh những hậu quả pháp lý khác nhau. Đặc biệt là trong vụ án có nhiều đương sự (nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) mà có một trong các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng các đương sự có mặt thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Bài viết nghiên cứu về thực tiễn áp dụng quy định về công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, trao đổi một số vướng mắc và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật.

Từ khóa: Đương sự, phiên tòa sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận.

Nhận bài: 10/5/2021; **Hoàn thành biên tập:** 14/6/2021; **Duyệt đăng:** 17/6/2021.

Abstract: It is important for litigants to join the court trials. Since accepting the cases, taking testimony, requesting for provision of evidence, joining the meeting on examining the hand-over, access, publication of evidences and conciliation at the first-instance courts, whether litigants can participate will cause different legal consequences. Especially, in the cases with many litigants (plaintiff, the accused; person having relevant rights and interests) when one of the litigants is absent from the trial but other litigants participating the trials reach agreement on handling the whole case. The article studies situation of applying regulations on acceptance of agreement made by litigants at the trial, discusses some obstacles and proposes solutions for finalization.

Keywords: Litigant, the first-instant court, accept the agreement.

Date of receipt: 10/5/2021; **Date of revision:** 14/6/2021; **Date of approval:** 17/6/2021.

1. Thực tiễn áp dụng quy định về công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm

1.1. Sự vắng mặt của một trong các bị đơn trong vụ án có nhiều bị đơn mà các bị đơn có mặt lại thỏa thuận được với các đương sự khác về giải quyết vụ án

Thông thường, khi giải quyết vụ án dân sự, Tòa án luôn tôn trọng và khuyến khích cũng như

tạo mọi điều kiện cần thiết theo quy định của pháp luật để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đặc biệt là thẩm phán chủ tọa phiên tòa luôn hỏi các đương sự có mặt là có thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hay không? Nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thì các bước tiến hành được mô phỏng như sau:

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa sơ thẩm



Thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án



Quyết định công nhận sự thỏa thuận và ghi vào biên bản phiên tòa

Tuy nhiên, thực tiễn tại các phiên tòa sơ thẩm của Tòa án nhân dân hai cấp ở tỉnh Sóc Trăng nói riêng cũng như tham khảo các bản án của Tòa án nhân dân các cấp trên cả nước thông qua phương tiện truyền thông là công thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao thì gần như không phải phiên tòa nào cũng có mặt đầy đủ đương sự mà sẽ có phiên tòa vắng mặt một trong các bị đơn

(vụ án có đồng bị đơn) hay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Trên thực tế, sẽ phát sinh tình huống “vắng mặt bị đơn” như sau:

Ví dụ 1: Vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh S giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H với các đồng bị đơn là vợ chồng ông Huỳnh Văn Tr và bà Lê Thị T. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì

¹ Thẩm phán, Phó chánh án Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.



phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 03/03/2021 nhưng sau đó phiên tòa hoãn do các bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Đến phiên tòa lần thứ hai vào ngày 15/3/2021, thì bà T có mặt, ông Tr vẫn vắng mặt không có lý do nên vẫn tiến hành mở phiên tòa theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa ngày 15/3/2021, phát sinh tình tiết mới là ông H và bà T thỏa thuận là bà T sẽ thanh toán số tiền mà vợ chồng đã nợ ông H là 120 triệu đồng (do ông H cho vợ chồng bà T- ông Tr trả số nợ làm 07 lần với thời hạn thanh toán từ ngày 30/04/2021 đến ngày 30/4/2024). Tuy nhiên, vấn đề khó xử lý ở đây là sự vắng mặt ông Tr (chồng bà T) phải được xử lý như thế nào? Tình huống pháp lý này hiện có 03 cách tiếp cận xử lý như sau:

Quan điểm thứ nhất: Hội đồng xét xử ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngay lúc thỏa thuận xong. Bởi vì các đương sự (có mặt) đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tức là, đã đủ điều kiện về nội dung, việc vắng mặt của ông Tr chính là sự vi phạm nghĩa vụ có mặt tại phiên tòa (hình thức), và ông Tr phải chịu trách nhiệm cho việc không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Mặt khác, bà T và Tr là vợ chồng, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau và đồng thời người vợ cũng có quyền đại diện cho chồng nên việc công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tr. Hội đồng xét xử ra Quyết định công nhận sự tự nguyện của đương sự (bà T) là đúng quy định tại Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

Quan điểm thứ hai: Hội đồng xét xử sơ thẩm chỉ có thể “ghi nhận” ý chí tự nguyện của bà T để làm căn cứ xác định sự thật khách quan của vụ án, không ra “Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự” như quy định tại Điều 246 của BLTTDS năm 2015. Bởi vì, sự đồng ý thừa nhận của bà T (thực hiện thay nghĩa vụ cho ông Tr) trực tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Tr nên Hội đồng xét xử không ban hành “Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự”.

Quan điểm thứ ba: Nếu hồ sơ vụ án có tài liệu chứng cứ thể hiện ý chí của ông Tr là thống

nhất và không có sự mâu thuẫn về việc thừa nhận số nợ mà vợ chồng bà T và ông Tr đã nợ ông Nguyễn Văn H thì Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ (phù hợp với ý chí tự nguyện của ông H đã trình bày), Hội đồng xét xử ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của bà T và ông Tr, theo đó toàn bộ nghĩa vụ của ông Tr sẽ được bà T đảm bảo thực hiện. Nhưng theo tác giả thì giải pháp này mang tính rủi ro và dễ vi phạm tố tụng dẫn đến bản án/quyết định có thể bị hủy vì chỉ cần sau này ông Tr kháng cáo/đề nghị xét lại bản án/quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm và cho rằng ý chí tại hồ sơ không đúng với những gì ông trình bày.

1.2. Sự vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm nhưng các đương sự có mặt thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án

Nguyên đơn chính là người khởi kiện, nếu nguyên đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh là có lý do chính đáng, vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc không có người đại diện tham gia phiên tòa như quy định tại điểm a Khoản 2 của Điều 227 của BLTTDS năm 2015 thì được xem là “từ bỏ việc khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của người đó², trừ trường hợp người đó có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, thực tế phát sinh tình huống sau:

Ví dụ 2: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn là bà La Thị A và bị đơn là bà Nguyễn Thị B; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Lê Văn T (chồng bà A), số tiền bà A yêu cầu khởi kiện bà B phải trả là 990 triệu đồng kèm lãi suất theo quy định của pháp luật. Do bận công việc, nên phiên tòa sơ thẩm ngày 03/3/2021 (sau khi hoãn) bà A không tham dự phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Sau đó tại phiên tòa, bị đơn bà B và ông T đã thỏa thuận là đúng 1 tháng sau thì bà B sẽ hoàn trả đúng nợ gốc và lãi suất cho bà A đầy đủ, ông T đề nghị được trả tiền ngay tại phiên tòa vì không dám mang số tiền lớn ra khỏi Tòa. Hội đồng xét

² “Ghi nhận” là thuật ngữ pháp lý xuất hiện ở giai đoạn thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, khác với “Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm”.

³ Nếu vụ án có yêu cầu phân tố của bị đơn và yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì vẫn phải xem xét các yêu cầu phân tố và yêu cầu độc lập này.

xử không ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận này của đương sự mà phải tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu bà A có mặt để cùng thỏa thuận. Sau khi tạm ngừng phiên tòa xong thì khoảng 07 ngày sau bà B có văn bản thay đổi ý kiến không đồng ý trả nợ cho bà A và ông T nữa.

Ví dụ 3: Vụ án tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông A và bà A1 với các bị đơn là ông B và bà B1 đôi với quyền sử dụng đất tranh chấp có diện tích là 96 m² tọa lạc tại Khu thương mại Trung tâm thị xã X, tỉnh S. Tại phiên tòa ngày 12/01/2021 (lần hai) ông A, ông B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn A1 và bị đơn B1 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, theo đó thì bà B đồng ý sẽ chuyển nhượng phần đất tranh chấp cho các nguyên đơn A-A1 sau 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận hôm nay. Tuy nhiên, do ngày 12/01/2021 ông B vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1.3. Sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 4 Điều 68 BLTTDS năm 2015 là người tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ được tự mình đề nghị hoặc các đương sự khác đề nghị và được Tòa án chấp nhận đưa họ vào tham gia tố tụng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong một số trường hợp có vai trò rất quan trọng và thậm chí là ảnh hưởng trực tiếp đến việc giải quyết vụ án nên sự có mặt của họ tại phiên tòa khi thỏa thuận là rất cần thiết.

Ví dụ 4: Vụ án tranh chấp về đòi lại quyền sử dụng đất 3.000 m² (nằm trong diện tích 10.000 m², tại thửa số 487, tờ bản đồ số 2) giữa A và B, phần đất B đang quản lý sử dụng chính là phần đất mà theo nguyên đơn A cho rằng là cầm cố chứ không chuyển nhượng cho B (nhưng B lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Sau đó B lại thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên cho Ngân hàng X. Tòa án đưa ngân hàng X tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ngân hàng X có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa A và B thỏa thuận được với nhau rằng B sẽ hoàn trả cho A 2.000 m² trong tổng số 3.000 m² mà A khởi kiện, kể cả về án phí B cũng đồng ý chịu. Tuy nhiên, do

Ngân hàng X là người nhận thế chấp 10.000 m² nêu trên Hội đồng xét xử không thể ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

2. Giải pháp đề xuất giải quyết vụ án có nhiều bị đơn mà có bị đơn vắng mặt trong khi các đương sự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án

2.1. Phương hướng tiếp cận và xử lý việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa

Có thể nhận thấy, việc thỏa thuận tại “Phiên tòa sơ thẩm” có sự khác biệt với sự thỏa thuận của các đương sự tại “Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”. Sự khác biệt này được thể hiện ở khía cạnh là nếu tại phiên họp nêu trên có đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải thì thẩm phán sẽ xử lý theo Khoản 3 Điều 209 BLTTDS năm 2015, cụ thể là: “3. Trong trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 210 của Bộ luật này mà các đương sự có mặt thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì thỏa thuận đó chỉ có giá trị đối với những người có mặt và được thẩm phán ra quyết định công nhận nếu không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt. Trường hợp thỏa thuận của họ có ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì thỏa thuận này chỉ có giá trị và được thẩm phán ra quyết định công nhận nếu được đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải đồng ý bằng văn bản”. Như vậy, việc đồng ý bằng văn bản chính là sự thừa nhận của đương sự vắng mặt đối với kết quả hòa giải và tất nhiên là họ phải chịu hậu quả pháp lý cho việc đồng ý này.

Tuy nhiên, Điều 246 của BLTTDS năm 2015 quy định về giải pháp này và cũng không có bất cứ nội dung nào của Điều luật dẫn chiếu đến Điều 209 và 210 của BLTTDS năm 2015. Điều này dẫn đến mỗi Tòa án tại địa phương có cách giải quyết khác nhau (theo từng quan điểm đã phân tích phần trên) với những hình thức ghi nhận/công nhận sự thỏa thuận và giá trị pháp lý của việc ghi nhận này cũng không thống nhất để sau này thi hành án. Hậu quả pháp lý của Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự và bản án sơ thẩm cũng rất khác nhau. Vì “Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự” không bị kháng cáo/kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm còn bản án sơ thẩm thì bị kháng cáo/kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nếu theo quan điểm thứ nhất như phần 1.1 nêu trên, khi Hội đồng xét xử sơ thẩm ra Quyết



định công nhận sự thỏa thuận của đương sự H và T thì đã tước đi quyền kháng cáo của bị đơn Tr. Nhưng nếu Hội đồng xét xử chỉ “ghi nhận sự tự nguyện của bà T” vào trong bản án sơ thẩm thì hậu quả pháp lý của sự thừa nhận có làm phát sinh sự kiện pháp lý giữa T và Tr sau này hay không? Nếu bà T muốn khởi kiện lại ông Tr để thanh toán cho phần nghĩa vụ đã thanh toán thay hay không? Hoặc đến giai đoạn thi hành án do không đủ điều kiện thi hành án tự nguyện mà Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên luôn tài sản riêng của ông Tr được hay không? Trong trường hợp nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt như ví dụ tại mục 1.2 nêu trên cũng sẽ dẫn đến những hậu quả pháp lý khác nhau, rất khó để Hội đồng xét xử ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự.

Từ những phân tích nêu trên, tác giả đề xuất hướng dẫn thi hành BLTTDS năm 2015 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về quy định tại Điều 246 của BLTTDS năm 2015 như sau: Khi áp dụng pháp luật cần xác định rõ và thể hiện việc “tôn trọng ý kiến và quyền của đương sự vắng mặt”. Nếu ở giai đoạn tranh luận tại phiên tòa mà các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thì Hội đồng xét xử quay lại phần thủ tục hỏi tại phiên tòa hoặc nêu ở phần thủ tục hỏi tại phiên tòa mà các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 259 BLTTDS năm 2015 ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa Hội đồng xét xử ấn định thời gian cần thiết để cho đương sự vắng mặt có ý kiến bằng văn bản là “đồng ý” hay “không đồng ý” với sự thỏa thuận của đương sự có mặt tại tòa⁴. Nếu trong thời hạn này mà “đương sự vắng mặt” đồng ý thì Hội đồng xét xử ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Nếu sau 07 ngày mà “đương sự vắng mặt” không đồng ý với sự thỏa thuận hoặc không thể hiện ý kiến thì Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ tiếp tục xét xử và ra bản án sơ thẩm.

2.2. Kiến nghị bổ sung quy định về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm

Từ những phân tích tại mục 1 và 2.1 bài viết này, tác giả đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như sau:

“Điều 246. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1. Nếu các đương sự trong vụ án đều có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, Chủ tọa phiên tòa hỏi các đương sự có mặt có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không; trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

2. Trường hợp tại phiên tòa sơ thẩm nếu có đương sự vắng mặt nhưng các đương sự có mặt thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Tòa án phải gửi văn bản cho đương sự vắng mặt biết về nội dung các đương sự có mặt đã thỏa thuận được tại phiên tòa. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tòa án, nếu đương sự vắng mặt đồng ý hoặc không có ý kiến phản đối với sự thỏa thuận thì Hội đồng xét xử ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Nếu đương sự vắng mặt không đồng ý thì Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Trường hợp, các đương sự có mặt tiếp tục thỏa thuận thì Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của những người có mặt vào trong bản án theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Hội đồng xét xử ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án thì Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 213 của Bộ luật này.

Có thể nói việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa đã được Bộ luật tố tụng dân sự điều chỉnh tương đối cụ thể bằng việc quy định chi tiết ở từng điều luật, theo từng giai đoạn tố tụng. Tuy nhiên, những thiếu sót quy định đối với sự vắng mặt của đương sự trong khi các đương sự có mặt thỏa thuận giải quyết vụ án tại phần thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm như đã phân tích nêu trên sẽ dẫn đến việc gây khó khăn, lúng túng cho Tòa án địa phương, đồng thời không đảm bảo tính áp dụng thống nhất của pháp luật, làm cho vụ án kéo dài thời hạn không cần thiết. Việc sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 246 của BLTTDS năm 2015 sẽ khắc phục những hạn chế nêu trên, góp phần đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của Bộ luật tố tụng dân sự./.

⁴ Nếu bị đơn Tr có mặt tại Tòa án trong thời hạn 07 ngày thì sẽ càng thuận lợi cho việc giải quyết vụ án.